TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện K - Tỉnh Ninh Bình

Số: 98/2020/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

K, ngày 07 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

====***====

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 123/2020/TLST - HNGĐ ngày 17/7/2020. Giữa :

- Nguyên đơn : Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1987; ĐKHK và trú tại : xóm 3, xã N, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn : Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1987; ĐKHK tại : xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện tạm trú tại : xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/7/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Ngọc T với chị Đỗ Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Thị Huyền D1, sinh ngày 27/4/2013 cho đến khi con chung thành niên. Giao chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phạm Thị Huyền T1, sinh ngày 23/10/2011 và Phạm Ngọc T2, sinh ngày 20/01/2017 cho đến

khi con chung thành niên. Anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Ngọc T2, sinh ngày 20/01/2017 cho chị D mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 8/2020 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

- Về án phí: Anh T nộp 150.000đ án phí ly hôn và 150.000đ án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 0002389 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh